

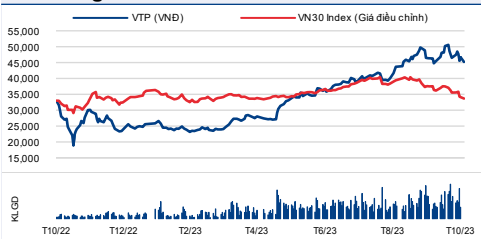
Nắm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ46,400
Tiềm năng tăng/giảm: 2.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2023)	45,200
Mã Bloomberg	VTP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	19,005-50,600
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	45,867
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	5,507
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	224
Slg CP lưu hành (tr.đv)	122
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	59.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	40.6
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	15.7%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	TĐ Viettel (60.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-22A	12-23F	12-24F
DT thuần (tỷ đồng)	21,638	19,626	19,107
EBITDA đc (tỷ đồng)	359	575	678
LNTT (tỷ đồng)	323	474	546
LNT ĐC (tỷ đồng)	224	327	377
FCF (tỷ đồng)	117	110	260
EPS ĐC (đồng)	1,836	2,687	3,092
DPS (đồng)	1,150	1,500	1,500
BVPS (đồng)	12,291	12,609	14,201
T.trường EBITDA (%)	(13.0)	59.9	17.9
T.trường EPS ĐC (%)	(12.8)	46.7	15.1
Tăng trưởng DPS (%)	(23.3)	30.4	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.66	2.93	3.55
Tỷ suất LNTT (%)	1.49	2.42	2.86
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.19	1.93	2.28
Tỷ lệ LN trả CT (%)	54.3	48.3	42.0
Nợ thuần/VCSH (%)	60.4	57.2	46.1
ROAE (%)	19.0	25.9	26.7
ROACE (%)	20.2	30.5	30.7
EV/doanh thu (lần)	0.28	0.33	0.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.6	11.1	9.30
P/E ĐC (lần)	24.6	16.8	14.6
P/B (lần)	3.68	3.58	3.18
Lợi suất cổ tức (%)	2.54	3.32	3.32

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VTP là doanh nghiệp chuyển phát đứng thứ hai về doanh thu tại Việt Nam và đang chuyển mình thành doanh nghiệp logistics. VTP là thành viên của Tập đoàn Viettel - tập đoàn viễn thông lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA
Chuyên Viên, Ngành Công Nghiệp
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

KQKD Q3/2023 hồi phục mạnh từ mức nền thấp, sát với dự báo

- Lợi nhuận thuần Q3/2023 của VTP hồi phục mạnh 82% so với mức nền thấp cùng kỳ năm ngoái và đạt 103 tỷ đồng, sát với dự báo của HSC (ở mức 100 tỷ đồng), với doanh thu thuần đạt 4.792 tỷ đồng (giảm 7% so với cùng kỳ).
- Doanh thu mảng chuyển phát Q3/2023 tăng mạnh 40% đạt 1.775 tỷ đồng, so với mức tăng 16% của toàn ngành. VTP đã giành thêm thị phần nhờ lợi thế về chất lượng dịch vụ trong khi tỷ suất lợi nhuận vẫn ổn định do Công ty tránh tham gia vào cuộc chiến về giá.
- Lợi nhuận thuần 9 tháng đạt 276 tỷ đồng (tăng 7%), bằng 73% dự báo cả năm của chúng tôi. HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu là 46.400đ (tiềm năng tăng giá 3%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2023

VTP công bố KQKD Q3/2023 sát với dự báo với lợi nhuận thuần đạt 103 tỷ đồng (tăng 82% so với cùng kỳ và tăng 5% so với quý trước), sát dự báo của chúng tôi là 100 tỷ đồng, với doanh thu thuần đạt 4.792 tỷ đồng (giảm 7% so với cùng kỳ). Những thông tin chính như sau:

Doanh thu thuần giảm 7% so với cùng kỳ do doanh thu thương mại giảm

Doanh thu thuần Q3/2023 giảm 7% so với cùng kỳ xuống 4.792 tỷ đồng, chủ yếu do doanh thu mảng thương mại (giảm 42% so với cùng kỳ xuống 1.793 tỷ đồng) giảm nhiều hơn mức tăng ở doanh thu mảng dịch vụ (tăng 44% so với cùng kỳ đạt 2.999 tỷ đồng).

- Doanh thu mảng dịch vụ bao gồm doanh thu chuyển phát và doanh thu thuê ngoài (VTP được thuê ngoài để vận hành mạng lưới cửa hàng của Viettel). Doanh thu mảng chuyển phát tăng 40% so với cùng kỳ đạt 1.775 tỷ đồng nhờ chiến lược tập trung vào chất lượng dịch vụ thay vì tham gia vào cuộc chiến về giá.
- Doanh thu ngành chuyển phát Việt Nam trong Q3/2023 tăng 16% so với cùng kỳ – sản lượng vẫn tăng mạnh 45% so với cùng kỳ, nhưng giá cước bình quân giảm 20% so với cùng kỳ do cạnh tranh ngày càng tăng.

(Continued on page 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2023, VTP

Lợi nhuận thuần Q3/2023 của VTP hồi phục mạnh 82% (so với mức nền thấp cùng kỳ) đạt 103 tỷ đồng

Tỷ đồng	Q3/22	Q3/23	% sv cùng kỳ	9T/22	9T/23	% sv cùng kỳ	% dự báo HSC
Doanh thu thuần	5,154	4,792	-7.0%	16,385	14,483	-11.6%	73.8%
Lợi nhuận gộp	124	224	80.9%	504	636	26.2%	
Lãi (lỗ) tài chính ròng	13	19	47.4%	35	50	42.7%	
Chi phí BH&QL	-69	-115	65.9%	-222	-337	52.0%	
LNTT	71	128	81.9%	322	347	7.9%	
Lợi nhuận thuần	56	103	82.3%	257	276	7.4%	72.9%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	2.4%	4.7%		3.1%	4.4%		
Chi phí BH&QL/DT	-1.3%	-2.4%		-1.4%	-2.3%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	1.1%	2.1%		1.6%	1.9%		

Nguồn: VTP

Lưu ý rằng sự xuất hiện của SPX (Shopee Express, đơn vị logistic của Shopee), với tham vọng chinh phục không chỉ các đơn hàng trên các nền tảng TMDT mà còn cả đối với các đơn hàng ngoài những nền tảng này với mức giá thấp hơn, đã làm nóng lên cuộc chiến về giá vốn đã rất gay gắt.

Tuy nhiên, VTP đã có chiến lược tránh tham gia vào các cuộc chiến về giá và thay vào đó sẽ tập trung vào chất lượng dịch vụ. Chiến lược này đã mang lại kết quả rõ ràng (thị phần gia tăng và tỷ suất lợi nhuận ổn định). Doanh thu B2B đóng góp khoảng 20% tổng doanh thu mảng chuyển phát, trong khi doanh thu B2C đóng góp 80% còn lại. Tỷ trọng doanh thu liên quan tới các nền tảng TMDT của VTP vẫn còn thấp.

- Trong khi đó, doanh thu mảng thương mại giảm 42% so với cùng kỳ xuống còn 1.793 tỷ đồng do VTP có kế hoạch giảm quy mô mảng này do tỷ suất lợi nhuận thấp (bán sim & văn phòng phẩm). Công ty dự kiến tiếp tục giảm quy mô mảng này trong năm tới.

Kế hoạch niêm yết trên sàn HSX cuối cùng đã hoàn thành

HOSE vừa thông báo đã nhận được hồ sơ đăng ký niêm yết của VTP vào ngày 23/10/2023. Ban lãnh đạo VTP dự kiến hồ sơ đăng ký niêm yết sẽ được chấp thuận vào cuối năm nay và thời điểm niêm yết thực tế sẽ diễn ra ngay sau đó.

Kế hoạch niêm yết trên sàn HSX đã được lên kế hoạch được một vài năm – lần đầu tiên được đề xuất tại ĐHCĐ năm 2021 nhưng sau đó bị trì hoãn do triển vọng kinh doanh đầy thách thức và điều kiện thị trường không thuận lợi. Tuy nhiên, kế hoạch này cuối cùng cũng đã hoàn thành trong năm nay khi VTP công bố KQKD tích cực.

Theo chúng tôi, VTP chuyển niêm yết sang sàn HSX sẽ giúp thu hút sự quan tâm từ nhà đầu tư tổ chức nhờ nâng cao tính minh bạch và đáp ứng các tiêu chí của một số tổ chức (một số nhà đầu tư tổ chức có quy chế hạn chế đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết trên sàn UpCoM).

HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu

Trong 9 tháng đầu năm 2023, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 74% và 73% dự báo cả năm 2023 của chúng tôi. HSC duy trì dự báo lợi nhuận thuần đạt lần lượt 379 tỷ đồng (tăng trưởng 47%) và 435 tỷ đồng (tăng trưởng 15%) cho năm 2023 và 2024. Theo đó, lợi nhuận thuần Q4/2023 sẽ đạt 103 tỷ đồng (tăng 97 lần so với Q4/2022 với lợi nhuận chỉ đạt 1 tỷ đồng và đi ngang so với quý trước). Ban lãnh đạo kỳ vọng doanh thu mảng chuyển phát Q4/2023 sẽ tiếp tục tăng 5-8% so với quý trước.

Hiện VTP đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2023 và 2024 lần lượt là 16,8 lần và 14,6 lần, tương đương P/E trượt dự phóng 1 năm là 15,2 lần, thấp hơn so với bình quân từ năm 2019 ở mức 24,4 lần. Định giá nhìn chung vẫn rẻ nhưng số liệu quá khứ có xu hướng ở mức cao do VTP đã không thể hoàn thành kế hoạch kinh doanh đề ra (và kỳ vọng của thị trường) trong 3 năm qua. Trong khi đó, triển vọng tăng trưởng trong những năm tới nhiều khả năng sẽ không cao bằng các năm trước đó (VTP tăng trưởng 40-80% trong giai đoạn 2014-2019). Do đó, chúng tôi cho rằng định giá cổ phiếu VTP nhiều khả năng sẽ bị định giá lại xuống mặt bằng thấp hơn. HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ đối với VTP và giữ nguyên giá mục tiêu là 46.400đ (tiềm năng tăng giá 3%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, VTP

Doanh thu mảng dịch vụ tăng 44% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu mảng thương mại giảm 42% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q3/22	Q3/23	% sv cùng kỳ	9T/22	9T/23	% sv cùng kỳ
Tổng doanh thu	5,154	4,792	-7.0%	16,385	14,502	-11.5%
Dịch vụ	2,077	2,999	44.4%	6,680	7,554	13.1%
Thương mại	3,077	1,793	-41.7%	9,705	6,948	-28.4%
Tỷ trọng	100.0%	100.0%		100.0%	100.0%	
Dịch vụ	40.3%	62.6%		40.8%	52.1%	
Thương mại	59.7%	37.4%		59.2%	47.9%	

Nguồn: VTP

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Doanh thu	21,452	21,638	19,626	19,107	19,643
Lợi nhuận gộp	600	617	878	951	1,022
Chi phí BH&QL	(281)	(347)	(422)	(420)	(432)
Thu nhập khác	9.06	8.02	8.29	8.07	8.30
Chi phí khác	(3.43)	(1.84)	(3.14)	(3.06)	(3.14)
EBIT	325	276	461	536	595
Lãi vay thuần	46.1	47.6	13.3	9.74	8.15
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	371	323	474	546	603
Chi phí thuế TNDN	(74.7)	(65.2)	(95.7)	(110)	(122)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	296	258	379	435	481
Lợi nhuận thuần ĐC	255	224	327	377	416
EBITDA ĐC	413	359	575	678	767
EPS (đồng)	2,429	2,117	3,107	3,574	3,950
EPS ĐC (đồng)	2,092	1,836	2,687	3,092	3,417
DPS (đồng)	1,500	1,150	1,500	1,500	1,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	104	113	122	122	122
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	104	113	122	122	122
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	104	113	122	122	122

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Tiền & tương đương tiền	337	460	378	480	577
Đầu tư ngắn hạn	1,902	1,856	1,374	1,376	1,454
Phải thu khách hàng	2,189	2,374	2,355	2,293	2,357
Hàng tồn kho	384	342	330	340	369
Các tài sản ngắn hạn khác	143	208	196	191	196
Tổng tài sản ngắn hạn	4,955	5,240	4,632	4,680	4,954
TSCĐ hữu hình	279	232	377	471	561
TSCĐ vô hình	40.6	36.5	32.4	28.2	23.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	9.20	9.76	8.85	8.62	8.86
Đầu tư vào Cty LD,LK	34.0	150	150	150	150
Tài sản dài hạn khác	116	141	106	103	106
Tổng tài sản dài hạn	479	569	674	761	850
Tổng cộng tài sản	5,434	5,808	5,307	5,441	5,803
Nợ ngắn hạn	1,166	1,297	1,176	1,145	1,177
Phải trả người bán	441	362	309	281	270
Nợ ngắn hạn khác	2,411	2,658	2,111	2,056	2,113
Tổng nợ ngắn hạn	4,108	4,405	3,683	3,570	3,647
Nợ dài hạn	0	0	76.3	130	181
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	0.67	12.2	11.1	10.8	11.1
Tổng nợ dài hạn	0.67	12.2	87.4	141	192
Tổng nợ phải trả	4,109	4,417	3,770	3,711	3,839
Vốn chủ sở hữu	1,326	1,392	1,536	1,730	1,964
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,326	1,392	1,536	1,730	1,964
Tổng nợ phải trả và VCSH	5,434	5,808	5,307	5,441	5,803
BVPS (đ)	12,800	12,291	12,609	14,201	16,118
Nợ thuần*/(tiền mặt)	829	837	875	795	781

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
EBIT	325	276	461	536	595
Khấu hao	(88.5)	(83.9)	(114)	(142)	(173)
Lãi vay thuần	46.1	47.6	13.3	9.74	8.15
Thuế TNDN đã nộp	(81.8)	(80.8)	(95.7)	(110)	(122)
Thay đổi vốn lưu động	204	(31.9)	(22.2)	24.6	(105)
Khác	(53.5)	(42.5)	(53.8)	(51.6)	(26.5)
LCT thuần từ HKKD	431	146	365	491	457
Đầu tư TS dài hạn	(121)	(28.6)	(255)	(232)	(258)
Góp vốn & đầu tư	(464)	(230)	0	0	0
Thanh lý	123	160	0	0	0
Khác	102	101	35.6	3.04	(3.14)
LCT thuần từ HĐĐT	(359)	2.38	(220)	(229)	(261)
Cổ tức trả cho CSH	(123)	(155)	(183)	(183)	(183)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	71.0	130	(44.2)	22.9	83.1
Khác	0	0	(1.14)	(0.29)	0.30
LCT thuần từ HĐTC	(51.8)	(25.0)	(228)	(160)	(99.3)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	-	-	-	-	-
LCT thuần trong kỳ	20.0	123	(82.3)	103	97.0
Ảnh hưởng của tỷ giá	29.0	(0.51)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	49.0	123	(82.3)	103	97.0
Dòng tiền tự do	310	117	110	260	199

Các chỉ số tài chính	12-21A	12-22A	12-23F	12-24F	12-25F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	2.80	2.85	4.47	4.98	5.20
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.93	1.66	2.93	3.55	3.91
Tỷ suất LNT (%)	1.38	1.19	1.93	2.28	2.45
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.2	20.2	20.2	20.2	20.2
Tăng trưởng doanh thu (%)	24.5	0.87	(9.30)	(2.64)	2.81
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(19.0)	(13.0)	59.9	17.9	13.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(22.8)	(12.2)	46.4	15.1	10.5
Tăng trưởng EPS (%)	(22.9)	(12.8)	46.7	15.1	10.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(22.8)	(12.2)	46.4	15.1	10.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	(23.3)	30.4	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	61.8	54.3	48.3	42.0	38.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	23.4	19.0	25.9	26.7	26.1
ROACE (%)	25.5	20.2	30.5	30.7	29.5
Vòng quay tài sản (lần)	4.37	3.85	3.53	3.56	3.49
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.33	0.53	0.79	0.92	0.77
Số ngày tồn kho	6.72	5.93	6.42	6.83	7.24
Số ngày phải thu	38.3	41.2	45.9	46.1	46.2
Số ngày phải trả	7.72	6.29	6.01	5.66	5.29
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	62.8	60.4	57.2	46.1	40.0
Nợ/tài sản (%)	21.5	22.4	23.7	23.5	23.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	2.83	3.62	2.18	1.89	1.77
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.21	1.19	1.26	1.31	1.36
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.26	0.28	0.33	0.33	0.32
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.3	16.6	11.1	9.30	8.19
P/E (lần)	18.6	21.3	14.5	12.6	11.4
P/E ĐC (lần)	21.6	24.6	16.8	14.6	13.2
P/B (lần)	3.53	3.68	3.58	3.18	2.80
Lợi suất cổ tức (%)	3.32	2.54	3.32	3.32	3.32

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn